

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HSST

Ngày 24-05-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Bá Đặng- Giáo viên trường Tiểu học thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

2.Ông Phan Văn Tiến.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 04 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 05 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Cao T1, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2000 tại xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T4, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Nguyễn Cao T5 (đã chết); họ tên mẹ: Đỗ Thị N, sinh năm 1965; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt hành chính số 141 ngày 02/9/2015, Công an huyện Thái Thụy phạt cảnh cáo về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”.

Danh chỉ bản số 1235 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 15/02/2018.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2018; tạm giam từ ngày 16/02/2018; hiện bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ thuộc Công an huyện Thái Thụy; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Chí D, sinh năm 1975- là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình. Có mặt.

Bị hại: -Chị Phạm Thị K, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

-Ông Đỗ Văn H1, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn T6, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong thời gian cuối tháng 10, đầu tháng 11/2017, bị cáo đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Hồi 20 giờ 30 ngày 28/10/2017, bị cáo cùng Nguyễn Văn T7 đi bộ qua khu vực nhà chị K ở thôn Đ, cùng xã T2 với bị cáo. Quan sát thấy điện sáng nên bị cáo bảo T7 đứng đợi, còn bị cáo đi theo lối mương nước vào nhà chị K; sau đó đi ra thông báo cho T7 là có laptop, hỏi có lấy không. T7 đồng ý trộm cắp nên cùng bị cáo sử dụng 01 con dao rựa cạy lỗ thông gió nhà tắm nhưng do thấy có người đi ra nên bị cáo và T7 dừng lại chờ cơ hội. Đến 00 giờ ngày 29/10/2017, khi mọi người ngủ say thì bị cáo cùng T7 dùng dao cắt dây buộc tấm liếp chắn gió của ô cửa nhà vệ sinh rồi bị cáo chui qua ô cửa vào nhà vệ sinh, đến nơi để chiếc máy tính laptop, rút dây xạc điện ra khỏi máy, gấp máy tính lại, theo lối nhà ngang đi ra ngoài, đem về nhà bị cáo. Ngày 31/10/2017, cả hai đem máy tính đến huyện T8, thành phố Hải Phòng thì bị Công an huyện T8 kiểm tra phát hiện nên cả hai khai nhận hành vi trộm cắp và giao nộp chiếc máy tính. Bị cáo bỏ trốn, đến ngày 13/02/2018, bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã. Kết luận định giá tài sản ngày 08/11/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thái Thụy đã xác định: Chiếc máy tính laptop có giá trị 2.200.000, đồng.

Vụ thứ hai: Hồi 20 giờ ngày 06/11/2017, bị cáo đi đến nhà ông Đỗ Văn H2 (ông H2 là anh trai mẹ bị cáo). Quan sát thấy không có người, bị cáo đã trèo qua tường vây vào sân, dùng thanh gỗ đập vỡ ô kính cửa lách rồi chui nửa người qua ô kính tháo chốt cửa để vào nhà. Sau khi vào nhà, bị cáo tìm kiếm và trộm cắp 9.000.000 đồng trên bàn thờ; 125.000 đồng trong ngăn tủ cuối giường và số tiền trong lợn tiết kiệm bằng sứ; tổng là 8.044.000 đồng. Đây là số tiền của ông Đỗ Văn H1 (là cậu ruột bị cáo) khi ông trông coi nhà cho ông H2 (là anh trai ông H1).

Tại bản án hình sự số 16/2018/HS-ST ngày 07/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã xử phạt Nguyễn Văn T7: 07 (Bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đã xử lý vật chứng; đã xác định: Chị K đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo xác định: Tối 28/10/2018, khi bị cáo cùng với T7 đi qua khu vực nhà chị K thì bị cáo đi theo lối mương nước vào nhà chị K quan sát, thấy có chiếc máy tính laptop. Khi bị cáo quay ra, thông báo cho T7g và hỏi ý kiến thì T7 đồng ý trộm laptop này. Khi bị cáo đang cạy lỗ thông gió nhà tắm thì có người đi ra nên dừng lại, chờ cơ hội. Đến 00 giờ ngày 29/10/2017, khi mọi người ngủ say thì T7 dùng dao cắt dây buộc tấm liếp chắn gió của ô cửa nhà vệ sinh rồi bị cáo chui vào nhà vệ sinh, đến nơi để chiếc máy tính laptop, rút dây xạc điện ra khỏi máy, gấp máy tính lại, đưa ra ngoài cho T7, rồi cả hai đem về nhà bị cáo. Ngày 31/10/2017, cả hai đem máy tính đi tìm nơi tiêu thụ nhưng chưa tiêu thụ được thì bị Công an huyện T8, thành phố Hải Phòng phát hiện, đã thu giữ chiếc máy tính. Sau đó, ngày 06/11/2017, bị cáo còn một mình trộm cắp số tiền 8.044.000 đồng của ông H1 là cậu ruột bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Không có ý kiến gì về tội danh; điều luật. Đề nghị Tòa án xem xét hoàn cảnh bị cáo: Bỏ chết sớm khi bị cáo mới có 10 tuổi; bị cáo học đến lớp 7 thì phải bỏ học. Ngày 06/11/2017, do đói nên bị cáo đến nhà bác để tìm kiếm đồ ăn; sau đó phát hiện ra nên mới thực hiện hành vi trộm cắp

tài sản. Đề nghị Tòa án áp dụng các điều 20, điều 45, điều 68, Điều 69, Điều 74 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; đề nghị trả tài sản thu giữ cho bị cáo.

Bị hại là chị Phạm Thị K trình bày: Đêm ngày 29/10/2017, gia đình chị bị mất 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu ASUS, màu đen, đã cũ. Sau khi vụ án bị phát hiện, chị đã nhận lại máy tính, không yêu cầu bất cứ khoản gì khác.

Bị hại là ông Đỗ Văn H1 trình bày: Ngày 06/11/2017, trong thời gian trông coi nhà giúp cho ông H2 (là anh trai ông); ông bị mất 9.000đồng trên bàn thờ, 125.000đồng tại ngăn tủ cuối giường và khoảng 8.000.000đồng trong lợn tiết kiệm. Toàn bộ số tiền này, ông để tại nhà ông H2 khi ông trông coi nhà giúp. Ông không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản tiền nào.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKSTT ngày 24/4/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Kiểm sát viên căn cứ:

Khoản 1 Điều 138; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điểm p, điểm o khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; điều 45; Điều 68, Điều 69, Điều 74 Bộ luật Hình sự 1999, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả bị cáo các tài sản đã thu giữ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều trình bày: Ngày 29/10/2017, bị cáo cùng Nguyễn Văn T7 trộm cắp 01 chiếc máy tính laptop của chị Phạm Thị K. Ngày 06/11/2017, bị cáo một mình trộm cắp số tiền 8.044.000đồng của ông Đỗ Văn H1.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng: Sơ đồ hiện trường, Biên bản xác định hiện trường; Đơn trình báo, lời khai của bị hại là chị K, ông H1; của người cùng bị cáo trộm cắp là Nguyễn Văn T7; của người làm chứng là ông Đỗ Văn S và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo là người đã cùng Nguyễn Văn T7 thực hiện hành vi trộm cắp chiếc máy tính laptop giá trị 2.200.000đồng của chị Phạm Thị K. Sau khi vụ án bị phát hiện, bị cáo lại một mình trộm cắp số tiền 8.044.000đồng của ông Đỗ Văn H. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Do không chịu tu dưỡng nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Lợi dụng sơ hở trong trông coi tài sản, bị cáo một lần cùng Nguyễn Văn T7 trộm cắp tài sản; một lần một mình thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự. Như vậy, có thể giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội nhiều lần” tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

-Cả hai lần thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo đều ở độ tuổi 17 năm 9 tháng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 68; Điều 69 Bộ luật Hình sự. Bị cáo tự thú về hành vi trộm cắp ngày 06/11/2017, thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm o, điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Phạm Thị K đã nhận lại tài sản; không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản gì khác. Bị hại khác là ông Đỗ Văn H1 không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản gì. Vì vậy, trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

-Tại bản án hình sự số 16/2018/HS-ST ngày 07/3/2018 đã xác định: Vật chứng là 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu ASUS đã trả cho chủ sở hữu là chị Phạm Thị K; vật chứng khác là 01 con dao dùng để cắt tấm liếp, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy.

-Vật chứng khác là 01 thanh gỗ bị cáo dùng đập vỡ cửa kính, 01 con dao bị cáo dùng cạy tủ, các mảnh kính cửa bị vỡ, các mảnh vỡ của con lợn bằng sứ. Sau khi vụ án xảy ra, các vật chứng này đã được thu dọn, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

-Số tiền 5.000.000đồng, 01 điện thoại di động Iphone màu bạc, 01 điện thoại di động màu đen là tài sản của bị cáo; hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/4/2018. Đây là các tài sản của bị cáo, không liên quan đến tội phạm; cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Cao T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm o, Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Điều 68; Khoản 1; Khoản 3; Khoản 5 Điều 69; Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 13 tháng 02 năm 2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động Iphone màu bạc, 01 điện thoại di động màu đen và số tiền 5.000.000 đồng; hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/4/2018.

5. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra - Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tòng